

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC MÔN NGỮ VĂN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGDĐT ngày tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học).*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	4
1. Mục tiêu chung	4
2. Mục tiêu của chương trình môn học Ngữ văn	4
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	5
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	5
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	5
IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC	6
1. Nội dung khái quát.....	6
2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt.....	8
V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	17
VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	18
1. Thời lượng	18
2. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường	18
3. Thiết bị dạy học	18
4. Lựa chọn ngữ liệu	18

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mỹ - nhân văn; giúp học sinh có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường; đồng thời cũng là công cụ quan trọng để giáo dục học sinh những giá trị cao đẹp về văn hóa, văn học và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở học sinh những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha,...

Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời.

Nội dung môn Ngữ văn mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hoá, đạo đức, triết học,... liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... Môn Ngữ văn cũng liên quan mật thiết với cuộc sống; giúp học sinh biết quan tâm, gắn bó hơn với đời sống thường nhật, biết liên hệ và có kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh ở từng cấp học; được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Giai đoạn giáo dục cơ bản: Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh ở mỗi cấp học. Mục tiêu của giai đoạn này là giúp học sinh sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học, hoạt động giáo dục khác; hình thành và phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để học sinh phát triển về tâm hồn, nhân cách.

Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Chương trình củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp học sinh nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, nhất là tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kỹ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lý luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học; tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm,

tâm hồn, nhân cách để học sinh trở thành người công dân có trách nhiệm. Ngoài ra, trong mỗi năm, những học sinh có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của học sinh.

Chương trình bồi dưỡng dự bị đại học môn Ngữ văn thuộc giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Theo đó, môn Ngữ văn nhằm củng cố, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản và rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào đọc, viết, nói, nghe vào thực tiễn đời sống; củng cố nền tảng kiến thức cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục học tại các bậc học cao hơn.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục hình thành và phát triển cho học sinh hệ dự bị đại học những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính; Giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

b) Góp phần giúp học sinh hệ dự bị đại học tiếp tục phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản nghị luận có sự phức tạp; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

2. Mục tiêu của chương trình môn học Ngữ văn

a) Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở trung học cơ sở; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

b) Tiếp tục củng cố, phát triển các năng lực đã hình thành ở cấp trung học phổ thông: đọc hiểu được cả nội dung tường

minh và hàm ẩn của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện; vận dụng được các kiến thức về đặc điểm ngôn từ văn học, các xu hướng - trào lưu văn học, phong cách tác giả, tác phẩm, các yếu tố bên trong và bên ngoài văn bản để hình thành năng lực đọc độc lập.

Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận (kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận), đúng quy trình, có chủ kiến, bảo đảm logic và có sức thuyết phục cao.

Có khả năng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc suy nghĩ, quan điểm của bản thân bằng lời nói; biết kết hợp lợi thế của các yếu tố phi ngôn ngữ, ngữ điệu, các phương tiện hỗ trợ khi thuyết trình. Có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình. Biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ phù hợp trong tranh luận.

Tiếp tục củng cố, phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được tác phẩm văn học và các tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác; phân tích và nhận xét được đặc điểm của ngôn ngữ văn học; phân biệt được cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong văn học; nhận biết và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học dựa vào đặc điểm phong cách văn học; có trí tưởng tượng phong phú, biết thưởng thức, tiếp nhận và đánh giá văn học; tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học. Củng cố cho học sinh nền tảng kiến thức cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục học tại các bậc học cao hơn.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình bồi dưỡng dự bị đại học môn Ngữ văn bảo đảm củng cố các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và các năng lực chung quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

a) Năng lực ngôn ngữ

Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt và kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, triết học và quan niệm thẩm mỹ của các thời kì để đọc hiểu văn bản (thể hiện qua dung lượng, độ phức tạp và yêu cầu đọc hiểu).

Biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, nhất là những tìm tòi sáng tạo về ngôn ngữ, cách viết và kiểu văn bản.

Viết được văn bản nghị luận có đề tài tương đối phức tạp; văn bản nghị luận yêu cầu phân tích, đánh giá, so sánh giá trị của tác phẩm văn học; bàn về những vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, xã hội, đất nước. Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ, những trải nghiệm và ý tưởng của cá nhân đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản; thể hiện được cách nhìn, cách nghĩ, thể hiện được cá tính.

Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; thể hiện được chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục.

b) Năng lực văn học

Phân tích và đánh giá văn bản văn học dựa trên những hiểu biết về đặc trưng thể loại, phong cách nghệ thuật và lịch sử văn học. Nhận biết được đặc trưng của hình tượng văn học và một số điểm khác biệt giữa hình tượng văn học với các loại hình tượng nghệ thuật khác (hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc); phân tích và đánh giá được nội dung tư tưởng và cách thể hiện nội dung tư tưởng trong một văn bản văn học; nhận biết và phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ văn học và những yếu tố biểu đạt mang tính đặc trưng của thể loại (chủ yếu là thơ, truyện, kí và kịch) trong tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được một số đặc điểm phong cách nghệ thuật thể hiện qua tác phẩm văn học; phong cách nghệ thuật của một số tác giả, tác phẩm lớn.

Tạo lập được một số kiểu văn bản văn học thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng bằng hình thức ngôn từ mang tính thẩm mỹ.

IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Các mạch kiến thức, kĩ năng

a) Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

* Yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc

- Chương trình yêu cầu học sinh củng cố kĩ năng đọc hiểu văn bản nghệ thuật (gồm các thể loại truyện, thơ, kí, kịch), văn bản thông tin và văn bản nghị luận.

- Đọc hiểu mỗi kiểu văn bản và thể loại nói chung cần bảo đảm các yêu cầu: nhận biết, lí giải chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,...; các yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại, kiểu văn bản; liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân người đọc.

* Yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết gồm: các yêu cầu về quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu thực hành viết theo đặc điểm của kiểu bài.

* Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng nói và nghe

- Kĩ năng nói: gồm các yêu cầu về âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, trình bày, thái độ, sự kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ khi nói,...

- Kĩ năng nghe: gồm các yêu cầu về cách nghe, cách ghi chép, hỏi đáp, thái độ, sự kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ khi nghe, nghe qua các phương tiện kĩ thuật,...

- Kĩ năng nói và nghe tương tác: gồm các yêu cầu về thái độ, sự tôn trọng nguyên tắc hội thoại và thảo luận.

b) Kiến thức

* Tiếng Việt: một số hiểu biết nâng cao về tiếng Việt (nhận diện và sửa lỗi câu, những hiểu biết về biện pháp tu từ) giúp học sinh hiểu, phân tích và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chú trọng những cách diễn đạt sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

* Văn học:

- Lí luận văn học: một số vấn đề về lí luận văn học thiết thực, có liên quan và được sử dụng để đọc hiểu văn bản văn học.

- Thể loại văn học: truyện, thơ, kịch, kí.

- Các yếu tố của văn bản văn học: câu chuyện, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, người kể chuyện, điểm nhìn,... (đối với truyện, kịch, kí) và vần, nhịp, chủ thể trữ tình,.. (đối với thơ).

1.2. Các chủ đề bắt buộc

Chủ đề 1. Tìm hiểu tác gia Hồ Chí Minh.

Chủ đề 2. Đọc hiểu văn bản truyện.

Chủ đề 3. Đọc hiểu văn bản thơ trữ tình.

Chủ đề 4. Đọc hiểu văn bản kịch.

Chủ đề 5. Đọc hiểu văn bản kí.

Chủ đề 6. Đọc hiểu văn bản thông tin.

Chủ đề 7. Đọc hiểu văn bản nghị luận.

Chủ đề 8. Viết văn bản nghị luận văn học.

Chủ đề 9. Viết văn bản nghị luận xã hội.

Chủ đề 10. Nói và nghe: Phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.

Chủ đề 11. Nói và nghe: Trình bày một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, xã hội, đất nước.

Chủ đề 12. Thực hành Tiếng Việt.

1.3. Các chủ đề tự chọn

Các nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế, đặc điểm của học sinh xây dựng các chuyên đề dạy học trên cơ sở nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành; có thể lựa chọn các chủ đề từ các chủ đề lựa chọn của Chương trình giáo dục phổ thông để tổ chức dạy học; hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; các hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

2.1. Các chủ đề bắt buộc

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
Chủ đề 1. Tìm hiểu tác gia Hồ Chí Minh.	- Hiểu và trình bày được những nét chính về con người, cuộc đời, quan điểm sáng tác, sự nghiệp văn chương của Hồ Chí Minh. - Đánh giá được những đóng góp của thơ văn Hồ Chí Minh trong lịch sử văn học dân tộc và lịch sử Cách mạng Việt Nam. - Vận dụng những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm của Người.	- Tập trung phân tích những đặc điểm hình thành quan điểm nghệ thuật, phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh. - Lựa chọn ngữ liệu tiêu biểu ở mỗi thể loại để làm nổi bật nội dung tư tưởng, đặc điểm phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh.

Chủ đề 2. Đọc hiểu văn bản truyện	- Nhận biết và phân tích được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện; lí giải được vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng, mang tính đặc trưng của thể loại truyện (truyện truyền kì, truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại hoặc hậu hiện đại). - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản truyện; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn thể hiện trong tác phẩm truyện. - Phát hiện, lí giải và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong tác phẩm truyện. Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong tác phẩm truyện. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, kiến thức văn học, lịch sử, văn hóa để hiểu tác phẩm. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá, phê bình tác phẩm truyện, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử,	Lựa chọn tối thiểu 3 tác phẩm truyện trong đó có ít nhất 01 truyện truyền kì. 01 đoạn trích thuộc tiểu thuyết hiện đại hoặc hậu hiện đại để hướng dẫn học sinh đọc hiểu đáp ứng yêu cầu cần đạt.
---	--	---

	văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.	
Chủ đề 3. Đọc hiểu văn bản thơ trữ tình	- Nhận biết và phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài và mối quan hệ giữa chúng trong tính chỉnh thể của bài thơ. - Phát hiện và lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Nhận biết được những dấu hiệu hình thức của thể thơ; đặc điểm ngôn từ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ. Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng, các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong thơ. - Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn thể hiện trong thơ. - Phát hiện, lí giải và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong tác phẩm thơ. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, kiến thức văn học, lịch sử văn hóa để hiểu tác phẩm. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá, phê bình tác phẩm; thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.	Lựa chọn ít nhất 03 văn bản để tổ chức dạy học, trong đó khuyến khích có 01 tác phẩm thơ trung đại, 01 tác phẩm thơ hiện đại có yếu tố tượng trưng, siêu thực để hướng dẫn học sinh đọc hiểu đáp ứng yêu cầu cần đạt.

Chủ đề 4. Đọc hiểu văn bản kịch.	- Nhận biết được đề tài, cốt truyện, kết cấu, chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm kịch. Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại kịch (bi kịch hoặc hài kịch). - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời nhân vật và hành động kịch. Phát hiện và phân tích được tình huống kịch, mâu thuẫn, xung đột và diễn biến xung đột kịch. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật kịch thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, xung đột. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong vở kịch. - Phát hiện, lí giải và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong tác phẩm kịch. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, kiến thức văn học, lịch sử, văn hóa để hiểu tác phẩm; đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá tác phẩm; thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kịch đối với người đọc và tiến bộ xã hội, đặc biệt là hiệu ứng thanh lọc.	Lựa chọn tối thiểu 01 văn bản (đoạn trích) bi kịch và 01 văn bản hài kịch để hướng dẫn học sinh đọc hiểu đáp ứng yêu cầu cần đạt.
Chủ đề 5. Đọc hiểu văn bản kí	- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong kí và mối quan hệ của	Tùy theo đặc điểm học sinh, giáo viên lựa chọn văn bản

	chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể kí (tù bút, phóng sự, bút kí, hồi kí,...). - Nhận biết và phân tích được yếu tố phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết,... trong kí. - Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong việc thể hiện ý nghĩa, tư tưởng của tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. - Phát hiện, lí giải và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong tác phẩm kí. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, kiến thức văn học, lịch sử, văn hóa để hiểu tác phẩm; đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá, phê bình tác phẩm; thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.	thuộc các thể kí phù hợp để tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu cần đạt.
--	--	---

Chủ đề 6. Đọc hiểu văn bản nghị luận.	- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản. Lí giải được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản. - Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) được sử dụng trong văn bản. - Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Nhận biết và phân tích được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. - Biết tiếp nhận, đánh giá nội dung văn bản với tư duy phê phán; hiểu được mục đích, tình cảm và thái độ của người viết thể hiện trong văn bản. Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.	Giáo viên lựa chọn ít nhất 03 văn bản nghị luận thuộc các chủ đề khác nhau, trong đó có ít nhất 01 văn bản nghị luận văn học để tổ chức dạy học.
Chủ đề 7. Đọc hiểu văn bản thông tin.	- Nhận diện, xác định được các chi tiết, dữ liệu trong văn bản. Phân tích, lí giải được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. - Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; lí giải được thái độ và quan điểm của người viết. - Phân tích, lí giải được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản.	Giáo viên lựa chọn ít nhất 03 văn bản thông tin thuộc các chủ đề khác nhau, trong đó có ít nhất 01 văn bản thông tin có sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ để tổ chức dạy học.

	- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản. Đánh giá được mức độ chính xác, tin cậy, tính hữu ích của thông tin, tri thức trong văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố tiếp phi ngôn ngữ (nếu có) trong văn bản. So sánh, đánh giá được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có sự kết hợp giữa ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ.	
Chủ đề 8. Viết bài văn nghị luận văn học	- Xác định được yêu cầu về nội dung, hình thức của bài văn nghị luận. - Đáp ứng được những yêu cầu của kiểu bài nghị luận văn học; thể hiện được năng lực cảm thụ văn học kết hợp với năng lực lập luận; thể hiện rõ quan điểm, chính kiến và trình bày quan điểm về vấn đề nghị luận (một tác phẩm, một đoạn trích, một vấn đề lí luận văn học, một nhân vật văn học, một phương diện nội dung của tác phẩm văn học...) một cách thuyết phục. - Bài viết bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
Chủ đề 9. Viết bài văn nghị luận xã hội.	- Xác định được yêu cầu về nội dung, hình thức của bài văn nghị luận. - Đáp ứng được những yêu cầu của kiểu bài nghị luận xã hội; thể hiện rõ quan điểm, chính kiến và	

	trình bày quan điểm về vấn đề nghị luận một cách thuyết phục. - Lựa chọn, sử dụng các lí lẽ và bằng chứng tin cậy, phù hợp với vấn đề nghị luận. - Bài viết bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
Chủ đề 10. Nói và nghe: Phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.	Nói: - Giới thiệu được những thông tin chính về tác giả, tác phẩm, nội dung khái quát; trình bày được những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. Biết cách lựa chọn chi tiết tiêu biểu để phân tích làm nổi bật nét đặc sắc của tác phẩm. - Sử dụng hiệu quả sự kết hợp giữa ngôn ngữ, các yếu tố phi ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ để tạo sức thuyết phục, sự cuốn hút đối với người nghe. Biết cách điều tiết âm lượng giọng nói và tốc độ nói bảo đảm phù hợp với nội dung nghị luận và ngữ cảnh. Nghe: - Nắm bắt được nội dung và quan điểm của người nói. - Nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức diễn đạt của người nói. Nói nghe tương tác: - Đặt ra được những câu hỏi về những điểm cần làm rõ về vấn đề nghị luận và để hiểu rõ quan điểm của người đối thoại. - Biết cách tranh luận khi xuất hiện những ý kiến trái ngược nhau trên cơ sở tôn trọng người đối thoại. Thể	

	hiện được thái độ cầu thị khi thảo luận, tranh luận và biết điều chỉnh ý kiến, quan niệm khi cần thiết.	
Chủ đề 11. Nói và nghe: Trình bày một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, xã hội, đất nước.	Nói - Lựa chọn được vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, xã hội, đất nước. - Giới thiệu, mô tả được vấn đề; trình bày các luận điểm rõ ràng, mạch lạc. Biết cách lựa chọn dẫn chứng và phân tích dẫn chứng để tạo sức thuyết phục với từng luận điểm. Đánh giá vấn đề từ nhiều góc nhìn khác nhau để tạo nên cái nhìn toàn diện về vấn đề. Nêu được những giải pháp hoặc thông điệp phù hợp cho vấn đề. - Sử dụng hiệu quả sự kết hợp giữa ngôn ngữ, các yếu tố phi ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ để tạo sức thuyết phục, sự cuốn hút đối với người nghe. Biết cách điều tiết âm lượng giọng nói và tốc độ nói bảo đảm phù hợp với nội dung nghị luận và ngữ cảnh. Nghe - Nắm bắt được nội dung và quan điểm của người nói. - Nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức diễn đạt của người nói. Nói nghe tương tác - Đặt ra được những câu hỏi về những điểm cần làm rõ về vấn đề nghị luận và để hiểu rõ quan điểm của người đối thoại.	

	- Biết cách tranh luận khi xuất hiện những ý kiến trái ngược nhau trên cơ sở tôn trọng người đối thoại. Thể hiện được thái độ cầu thị khi thảo luận, tranh luận và biết điều chỉnh ý kiến, quan niệm khi cần thiết.	
Chủ đề 12. Thực hành tiếng Việt	Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ: - Nhận biết, lí giải được các lỗi về logic, lỗi câu mơ hồ về nghĩa, sắc thái biểu cảm và cách sửa. - Phân biệt giữa lỗi logic, lỗi câu mơ hồ trong diễn đạt với sự phi logic và tính mơ hồ đa nghĩa của ngôn ngữ trong tác phẩm nghệ thuật. - Vận dụng được những kiến thức về lỗi câu để vận dụng vào tạo lập văn bản.	Giáo viên căn cứ vào đối tượng học sinh lựa chọn những ngữ liệu tiêu biểu để học sinh nhận diện, phân tích được lỗi sai, hình thành kĩ năng sửa lỗi để từ đó tránh các lỗi sai này.
	Một số biện pháp tu từ: - Nhận biết được dấu hiệu và lí giải được chức năng, công dụng của một số biện pháp tu từ từ vựng, cú pháp. - Vận dụng những hiểu biết về biện pháp tu từ để đọc hiểu và tạo lập văn bản.	Giáo viên căn cứ vào đặc điểm đối tượng học sinh lựa chọn một số biện pháp tu từ để dạy học, ôn tập, củng cố nhằm đáp ứng mục tiêu của Chương trình.

2.2. Các chủ đề tự chọn

Các nhà trường căn cứ vào đối tượng học sinh và Chương trình Giáo dục phổ thông để lựa chọn các chủ đề và xây dựng yêu cầu cần đạt phù hợp, bảo đảm tính khả thi để tổ chức thực hiện.

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

- *Phương pháp dạy học:* Kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, trực quan...) và các phương pháp dạy học tích cực khác.

- *Hình thức tổ chức dạy học*: Dạy học trên lớp, trong và ngoài nhà trường; dạy học theo nhóm, dạy học dự án... Đối với chương trình này, giáo viên chủ yếu hướng dẫn, hỗ trợ để học sinh tự học là chính.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường dự bị đại học.

VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng

- Tổng thời lượng thực hiện chương trình là: 28 tuần x 9 tiết/tuần = 252 tiết, bao gồm cả thời lượng dành cho kiểm tra, đánh giá định kì. Đối với tổ hợp môn học có đồng thời môn Toán và môn Ngữ văn, thời gian học môn Ngữ văn là 7 tiết/tuần.

- Tổng thời lượng dạy các chủ đề bắt buộc và chủ đề tự chọn do nhà trường bố trí, bảo đảm thời lượng dành cho chủ đề tự chọn không quá 30% tổng thời lượng thực hiện chương trình.

- Thời lượng dạy học của từng chủ đề được thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Khi xây dựng kế hoạch giáo dục, các trường dự bị đại học chủ động sắp xếp thứ tự các chủ đề bảo đảm hợp lí, phù hợp với đặc điểm học sinh và các điều kiện dạy học; không nhất thiết phải thực hiện Chương trình theo đúng thứ tự các chủ đề nêu trong mục IV.

3. Thiết bị dạy học

Thực hiện danh mục thiết bị dạy học cấp trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khuyến khích giáo viên tự làm các thiết bị dạy học.

4. Lựa chọn ngữ liệu

- Giáo viên ưu tiên lựa chọn ngữ liệu trong các bộ sách giáo khoa theo đúng đặc trưng thể loại, kiểu văn bản bảo đảm phù hợp, đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề.

- Nếu lựa chọn ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, cần bảo đảm theo đúng tiêu chí và yêu cầu về ngữ liệu được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn hiện hành.